

BỘ Y TẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/06/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ- TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/03/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 về ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí thành viên BCĐ Trung ương;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT;
- UBND, SYT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Q. Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, VPB, TTrB;
- Lưu: VT, KH-TC2.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuận

Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
		Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%
14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử	≥75%	≥70%	≥90%	≥70%	≥70%	≥70%	≥90%	≥70%

3. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới

Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

Quyết định số 263/QĐ- TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Y tế chủ trì Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện (thuộc thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn – đô thị và kết nối các vùng miền), trong đó có mục tiêu số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục. Do vậy, tiêu chí trung tâm y tế huyện đạt chuẩn là về cơ sở hạ tầng¹.

4. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥95%, thuộc tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

II. CÁC NỘI DUNG GIAO BỘ Y TẾ CHỦ TRÌ

1. Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện (thuộc thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn – đô thị và kết nối các vùng miền)

Đến năm 2025:

+ Có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới;

¹ Một số địa phương đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn đạt chuẩn toàn diện cả về cơ sở vật chất, nhân lực, tổ chức, chuyên môn... thì chỉ có thể hướng dẫn thành "bộ tiêu chí", còn "tiêu chuẩn" thì phải được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố (TCVN, ISO...) theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn. Trong trường hợp này, nội dung giao cho Bộ Y tế là đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.

+ 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

2. Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (thuộc thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn)

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 15 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 về Y tế trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Y tế thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

3. Nội dung tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình (thuộc nội dung 06, thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam)

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Giao đơn vị chủ trì xây dựng, cập nhật hướng dẫn thực hiện

(1) Chỉ tiêu “Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế”: Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế.

(2) Chỉ tiêu “Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế”: Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Y tế.

(3) Chỉ tiêu “Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)”: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế.

(4) Chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử”: Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,

(5) Chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe”: Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

(6) Chỉ tiêu “Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa”: Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

(7) Tiêu chí “Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng”: Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế, Bộ Y tế.

(8) Nội dung “Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm”: Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

(9) Nội dung “Cải thiện vệ sinh hộ gia đình”: Cục Quản lý Môi trường y tế, Bộ Y tế.

2. Nội dung hướng dẫn thực hiện

Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Phụ lục kèm theo.

Các đơn vị chủ trì xây dựng hướng dẫn thực hiện được giao ở khoản 1 mục III nêu trên có trách nhiệm tiếp tục nghiên cứu bổ sung, cập nhật hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện.

Các văn bản được trích dẫn cụ thể trong Hướng dẫn kèm theo sẽ được áp dụng theo văn bản mới ban hành khi các văn bản điều chỉnh mới có hiệu lực thi hành.

Phụ lục**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU VỀ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế

a) Khái niệm/định nghĩa:

+ Là số người có thẻ BHYT tính trên 100 người dân của một khu vực trong một thời gian xác định

+ Tử số: Tổng số người có thẻ BHYT của một khu vực trong một thời gian xác định

+ Mẫu số: Dân số trung bình của khu vực đó trong cùng thời kỳ

+ Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng năm của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

c) Hướng dẫn thực hiện

- Chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 – 2025 được giao cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

+ Chủ động đổi mới hình thức nội dung tuyên truyền để mọi người dân nắm vững về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế dưới nhiều hình thức (tọa đàm, vận động đối thoại trực tiếp, hội nghị, hội thảo trao đổi về chính sách...) đến người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đơn giản hóa thủ tục tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra các đơn vị sử dụng lao động có dấu hiệu vi phạm về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các sở, ban ngành có liên quan rà soát việc lập danh sách, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được Ngân sách nhà nước mua thẻ BHYT để tránh trường hợp cấp trùng thẻ. -

2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

a) Khái niệm/định nghĩa:

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là xã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: Số liệu định kỳ của Báo cáo giám sát hàng năm từ cơ sở y tế, Sở Y tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch – Tài Chính, Bộ Y tế.

c) Hướng dẫn thực hiện

Hiện nay Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ban hành ngày 07/11/2014, Bộ Y tế đang đánh giá thực hiện để ban hành Bộ tiêu chí cho giai đoạn đến năm 2030, trong thời gian chưa ban hành các địa phương thực hiện theo Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Bộ tiêu chí được áp dụng để đánh giá các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của toàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), chứ không chỉ đánh giá hoạt động của trạm y tế xã. Mục đích chính của Bộ tiêu chí là tạo ra các tiêu chuẩn để đáp ứng tốt nhất nhu cầu CSSK cho nhân dân ở từng vùng, miền.

- Những chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí là những yêu cầu cơ bản cần đạt, có những trường hợp đã đạt được các tiêu chí trong Bộ tiêu chí nhưng chưa đạt được các quy định, tiêu chuẩn trong một số quy định khác do Bộ Y tế ban hành thì vẫn phải tiếp tục phấn đấu để đạt các yêu cầu, tiêu chuẩn đó.

- Các tiêu chí đánh giá dựa theo các quy định hiện hành. Khi các quy định đó thay đổi thì tiêu chí đánh giá cũng cần thay đổi theo cho phù hợp.

- Các địa phương có thể cụ thể hóa, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể về điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội, mô hình bệnh tật của từng địa phương. Tất cả các điều chỉnh, bổ sung của địa phương cần gửi về Bộ Y tế để tổng hợp; trong trường hợp cần thiết, Bộ Y tế sẽ có văn bản góp ý.

- Việc đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được thực hiện hằng năm. Xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế có thời hạn trong vòng 3 năm. Nếu các năm tiếp theo không đạt Bộ tiêu chí thì phải rút danh hiệu đã công nhận.

3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)

a) Khái niệm/định nghĩa:

- Là số trẻ em dưới 5 tuổi có chỉ số chiều cao theo tuổi Z-score thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị thuộc quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới tính trên 100 trẻ được đo chiều cao của một khu vực tại thời điểm điều tra.

- Từ số: Số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi của một khu vực tại thời điểm điều tra.

- Mẫu số: Số trẻ em dưới 5 tuổi của khu vực được đo chiều cao tại thời điểm điều tra.

- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: từ điều tra, báo cáo của Viện Dinh dưỡng, hoặc của đơn vị chuyên môn phụ trách về dinh dưỡng ở cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Hướng dẫn thực hiện

- Mục tiêu giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi tại các xã nông thôn mới:

+ Giảm ít nhất 1,5%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trên 30%.

+ Giảm ít nhất 1,0%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi từ 20 đến 30%.

+ Giảm ít nhất 0,7%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 20%.

+ Giảm ít nhất 0,5%/năm tại những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 10% và không chế ở mức 5-6%.

- Phân loại cấp độ ưu tiên cho các can thiệp

+ Xã ưu tiên nhóm A: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi > 30%.

+ Xã ưu tiên nhóm B: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi từ 20-30%.

+ Xã ưu tiên nhóm C: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở mức dưới 20%.

- Can thiệp dinh dưỡng:

+ Can thiệp dinh dưỡng thuộc các xã ưu tiên nhóm A, B:

Nội dung can thiệp: Can thiệp toàn diện lên tất cả các nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em.

Các hoạt động ưu tiên: Kiện toàn và nâng cao chất lượng mạng lưới nhất là đội ngũ cộng tác viên/y tế thôn bản; Cung cấp vật tư trang thiết bị; Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính, tẩy giun cho trẻ em....

Ưu tiên ngân sách: Ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (trung ương và của tỉnh) và phối hợp sử dụng các nguồn ngân sách khác (nếu có).

+ Can thiệp dinh dưỡng thuộc các xã ưu tiên nhóm C:

Nội dung can thiệp: thực hiện các can thiệp tập trung vào giai đoạn trong và sau khi mang thai

Các hoạt động ưu tiên: Truyền thông giáo dục dinh dưỡng, bổ sung vitamin A, hướng dẫn bổ sung đa vi chất; điều trị suy dinh dưỡng cấp tính....

Ưu tiên ngân sách: Nguồn kinh phí trung ương và của tỉnh (ngân sách chi thường xuyên) hỗ trợ cho các hoạt động thiết yếu, duy trì mạng lưới. Ngân sách còn lại sẽ được lấy từ nguồn xã hội hóa. Trong điều kiện nguồn kinh phí huy động đủ thì có thể thực hiện các hoạt động can thiệp theo nhóm A và B.

- Hướng dẫn chi tiết tại Quyết định số 1858/QĐ-BYT ngày 06/7/2022 của Bộ Y tế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

a) Khái niệm/định nghĩa:

- Sổ khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của Hồ sơ sức khỏe điện tử, để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Tử số: Dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.

- Mẫu số: Dân số trung bình của khu vực trong năm báo cáo.

- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: Số liệu định kỳ của Báo cáo hàng năm của cơ sở y tế; Cục Công nghệ thông tin.

c) Hướng dẫn thực hiện

Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo mỗi người dân đều có sổ sức khỏe điện tử:

- Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

- Người dân đi khám bệnh không dùng sổ khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hàng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

5. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe

a) Khái niệm/định nghĩa:

- Quản lý sức khỏe là thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của người dân được lưu trữ và cập nhật.

- Tử số: Dân số có thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được lưu trữ và cập nhật.

- Mẫu số: Dân số trung bình của xã trong năm báo cáo.

- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: Số liệu định kỳ của Báo cáo hàng năm của cơ sở y tế; Cục Công nghệ thông tin.

c) Hướng dẫn thực hiện

- Phần mềm hồ sơ quản lý sức khỏe được tạo lập ở các tỉnh khác nhau nhưng liên thông trong toàn quốc đảm bảo: hồ sơ bệnh án điện tử chuyển được từ trạm y tế xã đến bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh, bệnh viện tuyến Trung ương.

- Phần mềm thống kê, quản lý được tình hình sức khỏe, tình trạng bệnh lý của người dân trên địa bàn.

6. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa

a) Khái niệm/định nghĩa:

- Tử số: Dân số tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa.
- Mẫu số: Dân số trung bình của xã trong năm báo cáo.
- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

b) Nguồn số liệu, đơn vị chịu trách nhiệm, kỳ báo cáo: Số liệu định kỳ của Báo cáo hàng năm của cơ sở y tế; Cục Công nghệ thông tin.

c) Hướng dẫn thực hiện

Tại Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt chương trình Chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã có một số chỉ tiêu liên quan đến năm 2025, các cơ sở khám chữa bệnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa;

- 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến.

- Bộ Y tế trình Chính phủ, Quốc hội sửa đổi Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong đó có một Điều về khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

- Chính phủ, Bộ Y tế hướng dẫn luật nội dung khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

- Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Đề án số 2628/QĐ-BYT ngày 22 tháng 6 năm 2020 “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020 - 2025.

- Bộ Y tế đang xây dựng Thông tư quy định về khám bệnh, chữa bệnh từ xa cho người bệnh COVID-19, người không thể tiếp cận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên do dịch bệnh COVID-19.

7. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng

Hiện nay cơ sở pháp lý liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung tâm y tế quận, huyện vận dụng theo các văn bản: (1) Thông tư số 07/2021/TTBYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày

07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020; (3) Quyết định số 2367/QĐ-BYT ngày 04/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành “Mô hình - Tiêu chuẩn Thiết kế Trung tâm y tế dự phòng tuyến quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh”; (4) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9213 : 2012 Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế; (5) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214 : 2012 Phòng khám đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế.

Bộ Y tế tạm thời hướng dẫn nội dung Trung tâm y tế đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng dưới đây (có thể sẽ chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp sau khi khảo sát thực tế việc tổ chức sắp xếp các phòng chức năng, các khoa chuyên môn theo Thông tư số 07/2012/TT-BYT tại một số địa phương):

Về cơ sở hạ tầng Trung tâm có thể có nhiều cơ sở khác nhau. Tiêu chí xét độc lập các đơn vị thuộc Trung tâm phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

(1) Về mặt bằng tổng thể:

Vị trí khu đất xây dựng của từng đơn vị thuộc Trung tâm phải phù hợp với quy hoạch được duyệt, có giao thông thuận lợi.

- Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có Bệnh viện đa khoa từ Hạng II trở lên về mặt bằng tổng thể phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Tùy từng quy mô cụ thể nhưng chỉ tiêu diện tích khu đất xây dựng bình quân cho một giường bệnh đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9213:2012);

+ Tuân thủ các quy định chung về yêu cầu quy hoạch tổng mặt bằng của tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012).

- Đối với đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có), tiêu chí về khu đất xây dựng và mặt bằng tổng thể tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về Phòng khám đa khoa khu vực (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012).

- Vị trí xây dựng và diện tích khu đất xây dựng đối với đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

(2) Về các khoa phòng chức năng: Các đơn vị thuộc Trung tâm bố trí tại một hoặc nhiều địa điểm khác nhau, tuy nhiên khi đánh giá độc lập từng đơn vị/khoa phòng chức năng đảm bảo các tiêu chí sau:

- Có số lượng khoa phòng chức năng phù hợp với quy mô hoạt động của Trung tâm. Các khoa phòng chức năng và các khoa chuyên môn phải tuân thủ theo Thông tư số 07/2012/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Diện tích các phòng lãnh đạo, các phòng chức năng thuộc Trung tâm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012 công sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Diện tích các phòng trong các khoa chuyên môn (tùy theo nhiệm vụ và quy mô của khoa) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện quận, huyện (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4470:2012) và tiêu chuẩn quốc gia thiết kế bệnh viện đa khoa (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012).

- Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Phòng khám đa khoa khu vực (nếu có) tối thiểu, đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012 thiết kế bệnh viện quận, huyện.

- Diện tích các phòng chức năng của đơn vị Trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

(3) Cấp độ công trình: Cấp độ công trình hạng mục nhà chính từ cấp III trở lên, các hạng mục phụ trợ từ cấp IV trở lên, xác định cấp công trình theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

(4) Về đảm bảo vệ sinh môi trường: đối với từng đơn vị thuộc Trung tâm

- Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định.

- Có phương án hoặc giải pháp cách ly giữa khu có nguy cơ lây nhiễm (nếu có) với các khu khác của Trung tâm.

(5) Các điều kiện khác: Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước sạch theo quy định.

8. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Tăng cường hoạt động thông tin giáo dục truyền thông các quy định của pháp luật, chính sách, các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương... về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Thanh tra các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương và xử lý vi phạm (nếu có).

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của địa phương trong công tác quản lý bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương.

- Tuyên truyền cho người dân về phòng chống ngộ độc thực phẩm nói chung và ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên nói riêng như độc tố của cóc, so biển, nấm độc,... đồng thời tuyên truyền người dân không ăn côn trùng lạ, quả lạ có thể gây ngộ độc.

- Tăng cường hoạt động tập huấn về an toàn thực phẩm cho các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

9. Cải thiện vệ sinh hộ gia đình

Những nội dung liên quan đến “Cải thiện vệ sinh hộ gia đình” bao gồm: nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, trong đó có chỉ tiêu 17.8 quy định tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Thực hiện theo Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, ban, ngành, và các địa phương phản ánh bằng văn bản về Bộ Y tế xem xét, giải quyết./.

===o0o===